

# TÌM NGỌC NHƯ Ý

**Buổi giảng chót tại Thiền Viện Trúc Lâm  
Ngày 20.09.2002 (14.08.Nhâm Ngọ - PL.2546)**

Hôm nay là buổi giảng chót tại Thiền viện Trúc Lâm – Đà Lạt. Lần giảng này, tôi rút ruột ra nói chớ không phải giảng theo kinh sách. Rút ruột tức là ở trong lòng có gì thì lôi ra nói, không nói những thứ từ bên ngoài. Cho nên Tâm Kinh thường được gọi là kinh ruột vậy.

Ở đây có hai điểm rất quan trọng, tôi nhắc cho Tăng Ni, Phật tử nhớ. Chúng ta chủ trương tu thiền theo Thiền Tông, vậy chủ trương đó tu theo hệ thống nào? Hệ thống đó duy nhất hay có sai biệt? Đó là những vấn đề thiết yếu.

Người ta thường đặt câu hỏi: thời này là thời đại khoa học, con người tiêc từng giờ, từng khắc để làm ra tiền bạc, nhưng những vị tu thiền nhất là chư Tăng Ni ở thiền viện, ngày đêm ba thời, sáu tiếng đồng hồ ngồi ngó xuống lim dim, không làm ra xu con nào hết, không lợi ích cho ai, như vậy có phải là phí phạm thời gian quý báu của mình hay không?

Nói cách khác có phải tiêu cực đối với xã hội hay không? Đó là vấn đề mà những người thích hoạt động, thích làm việc thường đặt ra.

Vì thế chúng ta phải thấy sâu, thấy rõ việc mình đang làm. Muốn tất cả chúng ta thấy sâu thấy rõ về vấn đề này, nên hôm nay tôi nói đề tài “Tìm ngọc như ý”. Ngọc như ý chữ Phạn gọi là “Ma ni bửu châu”. Người thế gian thì tìm vàng tìm bạc, chúng ta tu thì tìm hòn ngọc như ý. Người đời thích làm ra tiền của nhiều để nuôi dưỡng thân xác thịt cho được sung mãn. Họ cho thân xác thịt là thật, là quý, nên tìm mọi phương tiện tạo nhiều vật chất để nuôi dưỡng nó được sung mãn. Nhưng giả sử nuôi thân này lên được một trăm ký, thì khoẻ hay mệt? Mệt. Như vậy càng sung mãn thì càng hiểm nguy, cuối cùng nó thế nào? Nó trở thành một thây thú. Như vậy, suốt mấy mươi năm từ khi chúng ta có mặt ở trần gian cho tới ngày nhắm mắt, lo cho thân, bảo vệ thân, cuối cùng nó cũng phải tan rã. Thế thì sự nuôi dưỡng ấy có quý, có giá trị gì đâu. Vậy mà ngàn người muôn người như một, đều chỉ biết lo cho nó thôi. Đây là những người tầm thường, chỉ biết có thân.

Qua người khác hơn, lý tưởng hơn thì họ còn biết gì nữa? Biết đến cái tâm, tức phần tinh thần. Những gì họ suy gẫm theo cái nhìn, cái hiểu, cái học của mình và cho là đúng, là chân lý rồi thì bảo vệ, truyền bá suy nghĩ của mình đến cùng. Người khác cũng thế, mọi người trên thế gian, ai có lý tưởng cũng đều muốn truyền bá lý tưởng của mình. Nhưng lý tưởng ông A khác lý tưởng ông B, thì hai người sẽ đi đến tranh cãi nhau. Nếu có thêm lý tưởng của ông C nữa, sự việc sẽ dẫn tới đâu?

Có hai điều làm nhân loại đau khổ. Điều khổ thứ nhất là giành nhau vật chất để nuôi thân. Bởi giành nhau vật chất nên kẻ được người mất. Kẻ được thì vui cười hơn hờ, người mất thì nổi giận oán thù. Cứ như vậy mà sát phạt nhau không có ngày cùng. Nhỏ thì giành giựt nhau ở trong gia đình, anh em chia của nhiều ít sanh ra chuyện cãi vã. Còn lớn chút nữa thì với tập thể này với tập thể kia, xí

nghiệp này với xí nghiệp nọ. Lớn nữa thì nước này giành nước kia. Cứ như vậy mà gây đau khổ, con người không biết làm sao dùng được nổi khổ? Điều khổ thứ hai là chấp phần tâm. Ai cũng cho tâm mình nghĩ, tâm mình tưởng là chân lý, người khác cũng cho nghĩ tưởng của mình là chân lý. Thế là năm ba cái chân lý gặp nhau. Chân lý số một cãi với chân lý số hai, chân lý số ba cãi với chân lý số bốn, rồi cả thế gian đều nhào lộn trong cái sát phạt, tàn hại nhau. Cái đau khổ của nhân loại là ở chỗ đó.

Đạo Phật thì khác hẳn. Đức Phật dạy cho chúng ta biết, đứng về vật chất thì thấy thân này hư giả. Song tiếc thay, thời nay người tu chưa thấy giả, hoặc có thấy chỉ thấy phần nào thôi, nên không can đảm nói thân này là giả. Đúng tinh thần, người học Phật luôn luôn thấy thân này là giả. Tại sao? Bởi vì nó có rồi mất, mà cái gì có rồi mất, thì cái đó không phải là thật. Cái thật thì không mất. Cái tạm bợ qua thời gian rồi thì làm sao thật được. Thế nhưng chúng ta không dám nói mạnh thân này giả, chỉ nói một cách hơi nhẹ thôi, “ờ giả”. Tại sao? Vì sợ nói giả một hồi, người ta chọc mình, mình chịu không nổi thành thua người ta. Người tu mà chưa can đảm nói thân này giả, thì hàng cư sĩ làm sao dám nói giả! Do không dám nói giả, thành ra cái giả ấy chỉ hơi ờ ờ, chưa rõ ràng gì hết. Vì vậy chúng ta tu chậm tiến, tu mà thiếu lòng từ bi.

Nếu chúng ta biết thân này là giả thì tất cả cái gì mình được, mình dư huynh đệ chung quanh thiếu, chúng ta chia sót. Huynh đệ chia sót với nhau để tạm sống, giữ nhiều làm gì? Như vậy có phải lòng từ bi tràn trề không? Đàng này chúng ta chưa dám nói thân giả, nên để dành kha khá một chút. Người khác thiếu kệ họ, mình cũng không cần quan tâm. Hoặc mình đang âm no, thấy người khác thiếu thốn, mình cũng không can đảm chia sót cho họ. Đó là tại vì chưa thật thấy thân giả. Nếu thật thấy thân này hư giả thì mọi nhu cầu của thân mình, chúng ta đều không quan trọng. Thấy ai thiếu thốn, mình giúp bằng cách này, cách nọ, như vậy mới thật là người thấy thân giả.

Người thế gian nói thấy thân giả là chán đời yếm thế, nhưng không phải vậy. Nhờ thấy giả nên mình không tham, không tham nên dễ chia sót cho người khác. Chính nhờ thấy thân giả, chúng ta mới mở rộng lòng từ bi, chan trải chia sót với mọi người những âm no, đói thiếu. Thấy giả mới làm được việc đó, còn thấy thật thì khó làm. Cho nên biết thân giả không có nghĩa là tiêu cực yếm thế. Biết thân giả không có nghĩa là người trốn đời hay chán ngán thế sự.

Biết thân giả thì ai cần chúng ta giúp, bởi vì giữ nó cũng không còn. Bây giờ cần giúp người ta bớt khổ, mình sẵn sàng giúp, như vậy mới có tinh thần hy sinh. Nếu thấy thân này thật thì đâu nỡ hy sinh. Vì vậy người thấy thân giả vừa sẵn sàng hy sinh thân mình để giúp người. Vậy thấy thân giả là lợi hay hại? Lợi. Hiểu như vậy chúng ta mới hiểu ý nghĩa chữ “giả” của đạo Phật. Những người nói đạo Phật cho rằng thân này và muôn sự muôn vật đều giả thì chán chết, không muốn làm gì hết, nên theo đạo Phật là bi quan yếm thế. Đó là tại họ không hiểu ý nghĩa giả của đạo Phật. Là người học Phật chúng ta phải hiểu cho sâu, nắm cho vững chỗ này, để tránh những hiểu lầm của người khác, mà cũng tránh hiểu lầm cho bản thân mình.

Nhiều người tu nói thân này giả, thôi mình lên núi nằm queo đó chờ chết cho rồi, cho thành thoi. Giả mà lại muốn cho nó thành thoi! Nếu giả thì sẵn sàng lăn xả vào làm việc, lợi ích cho mọi người, chớ sao lại muốn thành thoi? Muốn thành thoi là cung dưỡng thân, mà cung dưỡng là không thấy thân giả rồi. Người tu phải hiểu rõ thân này hư giả, để tránh nạn cung dưỡng thân. Nếu thấy thân giả, tạm bỏ, hư dối thì chúng ta chiến thắng được lòng tham vật chất. Dùng trí tuệ nhìn thấy đúng thân giả, nên phá tan lòng tham thụ hưởng, muốn bảo vệ thân. Như vậy nhờ trí tuệ phá si mê nên lòng tham mất. Chúng ta không còn giành giựt về vật chất, thì sự được mất vật chất không thấy quan trọng. Không thấy quan trọng thì còn gì đâu giành giựt nhau, còn gì đâu sát phạt nhau, để dành phần hơn về mình. Như vậy là chúng ta khỏi tranh đua, giành giựt hay cướp bóc lẫn nhau. Nếu ai cũng thấy như vậy thì trên thế gian này, không có sự giành hơn về mình cho thật nhiều, để những kẻ khác thua thiệt, mọi người sẵn sàng chia sẻ lẫn nhau. Đó là tâm bình đẳng thương yêu, nhà Phật gọi là lòng từ bi.

Bước qua phần tâm. Người đời cho những suy gẫm, lý tưởng của mình là chân lý, là thật. Nghĩ nó là thật nên khi mình suy gẫm được một vấn đề gì cho là rất hay rất đúng, đem ra phổ biến. Có người khác suy nghĩ ngược lại với mình, họ thấy cũng rất hay rất đúng, nên họ cũng phổ biến. Hai cái đúng gặp nhau thì nảy sanh ra sự sát phạt lẫn nhau. Nhiều khi chúng ta tu mà vẫn mắc kẹt vào những sai lầm này.

Trong Phật giáo, chia ra nhiều giáo phái, nhiều pháp môn. Tại sao như thế? Vì đức Phật thấy trình độ, căn cơ của chúng sanh sai biệt, không ai giống ai. Kẻ sống bằng tình cảm thì Ngài dạy lấy lòng tin để hướng dẫn họ tu. Người sống bằng trí tuệ thì Ngài dạy lấy trí tuệ làm hướng tu cho họ. Người thích linh thiêng Phật dạy thần chú v.v... đủ cách để độ hết mọi người. Mỗi pháp môn Phật dạy, nếu chúng ta tu đúng thì kết thúc cũng gặp nhau.

Nhưng ngược lại khi bước vào mỗi pháp môn, tuy biết đó là Phật dạy, mà bên này chọi bên kia. Người khác tu không giống mình là không ưa rồi, có khổ chưa? Mình với mình một thầy mà không ưa nhau, tại sao vậy? Vì ý tưởng không rập khuôn theo mình. Không rập khuôn theo mình thì mình không ưa. Như vậy có phải chúng ta mang bệnh độc tài không?

Phật đã biết chúng sanh có nhiều trình độ, nhiều căn cơ nên mới dạy nhiều pháp môn. Trong kinh thường dụ pháp của Phật như những phương thuốc trị tâm bệnh cho chúng sanh. Chúng sanh có trăm ngàn căn bệnh hay trăm ngàn tâm bệnh thì Phật có trăm ngàn pháp môn để chỉ dạy họ tu, đạt được lợi ích. Tại sao chúng ta là con cháu Phật mà không có tâm rộng rãi? Lẽ ra chúng ta nên khuyến khích, ai tu pháp môn nào cũng phải tu đến nơi đến chốn, đừng nói ai hay ai dở. Đàng này ngược lại, chung trong đạo Phật với nhau, mà người này chỉ trích kẻ nọ, luôn luôn tìm cách kích bác lẫn nhau. Vậy nói sao đây? Người tu mà không thông cảm, không hiểu được nhau, có đáng buồn không? Ai tu pháp môn nào cứ bám vào pháp môn ấy cho là chân lý, là chánh; người khác tu không phải chân lý, là tà. Rồi cho mình tu hay, người kia tu dở, sanh ra chống đối nhau.

Những năm tôi còn học ở trường, thấy nhiều vị đến hỏi các thầy Trụ trì: “Thưa thầy con nghe nói tu thiền hay lắm. Như vậy tu thiền là sao, xin thầy chỉ dạy cho?” Có thầy nói:” ĐỪNG! ĐỪNG. Tu thiền là điên nghen”. Cứ nói tu thiền điên, nhưng không biết tu làm sao mà điên. Cứ một bề nói tu thiền điên. Trong khi đó các nước như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Nhật Bản v.v... người ta tu thiền, thiên hạ đổ xô tới học, còn ở Việt Nam các thầy lại nói tu thiền điên, coi phải khổ không? Từ cái nhìn hẹp hòi đó, đâm ra chúng ta tự đóng khung mình trong phạm vi quá chật hẹp.

Ngày xưa Phật tu thiền, Tổ tu thiền, mà ngày nay con cháu nói tu thiền điên. Như vậy là một sự phản bội không thể tưởng tượng nổi. Nếu điên thì đức Phật đã điên rồi, các Tổ đã điên rồi, đâu truyền tới bây giờ. Cho nên nói như vậy có phải là quá thiên cận không? Từ sự thiên cận đó đi đến chống đối nhau, không tới đâu hết. Cho nên chúng ta học phải học cho tới nơi, thấy cho tường tận. Tu thiền, tu Tịnh...đều tốt cả, nhưng phải tu đúng theo tinh thần Phật dạy.

Có nhiều người thắc mắc hỏi tôi, người tu Tịnh độ niệm Phật, sau này chết sanh về Cực Lạc, thầy tu Thiền chết về đâu? Hết chỗ về! Nghe nói vậy, ta tưởng như mình đã lạc lõng rồi. Nhưng sự thật, tại sao chúng ta không nhớ gốc của đạo Phật là cứu Kỉnh Niết-bàn. Niết bàn là chỗ cứu kính, là vô sanh, không còn sanh thì lấy gì có tử? Người tu Thiền, nếu theo thiền Nguyên thủy thì tới Diệt tận đỉnh, không còn thọ tướng hành thức gì nữa, tới chỗ đó mới gọi là vô sanh, chứng A-la-hán, nhập Niết bàn. Còn người tu thiền theo Thiền Tông, tới chỗ không còn niệm đối đãi sanh diệt nữa là vô sanh, vô sanh là Niết bàn. Kẻ không biết, cứ nói về Cực Lạc mới cứu kính, còn nhập Niết-bàn chưa phải. Như vậy không biết đức Phật phải dạy sao bây giờ? Đó là cái thấy nông cạn của người học Phật, họ không biết chỗ nào là gốc, chỗ nào ngọn, cứ bị kẹt trong phương tiện, rồi trở lại chống đối người khác. Vì lẽ đó, chấp cái hiểu, cái tưởng, cái nhận định của mình là đúng, đó là bệnh rất lớn.

Trong kinh A Hàm, Phật nói câu tuyệt vời làm sao: “Khi chúng ta nghĩ tưởng điều gì, thì nói lên rằng đây là cái tướng của tôi” thôi. Không nói cái nghĩ tưởng của mình đúng. Tại sao? Vì nghĩ tưởng hay suy tưởng là tướng sanh diệt, nó không phải chân lý, không phải chân lý thì không có cái nào đúng tuyệt đối. Từ đó bám vào suy tưởng hạn hẹp của mình mà sát phạt nhau.

Người tu Phật phải dẹp hết tất cả những suy tưởng, còn kẹt hai bên là còn sanh tử. Bởi thấy còn đúng còn sai là sanh tử, thấy mình phải người quấy là sanh tử. Tới chỗ cứu kính tâm chân thật là tâm không còn hai, còn hai là chưa phải chân thật. Cái cao siêu của đạo Phật là như vậy. Nghĩa là không cho chúng ta có cái nhìn đối đãi, so sánh đây hơn kia thua, có trọng có khinh. Vì thấy hay sanh ra ngạo mạn, thấy dở sanh ra khinh miệt, như vậy là tâm không tốt, phải bỏ tâm đó. Còn đối đãi là còn sanh diệt, còn danh diệt thì chưa phải chân lý. Chân lý là không còn hai.

Quý vị thấy chấp thân, chấp tâm nguy hiểm như thế nào rồi. Nếu ai nhìn cũng như Phật dạy hết, thì thế gian này còn tranh đua giết hại nhau nữa không? Không giành nhau về vật chất, không giành nhau về lý tưởng, thì cuộc đời bình

đẳng. Mọi người có mặt đều biết chúng ta có tạm đây thương nhau không hết, đâu có gì để giành giựt hơn thua. Hiểu như vậy biết như vậy thì cả thế gian này là Cực Lạc rồi. Ngược lại, ai cũng cho mình là Tổ sư của một triết lý nào đó. Rồi phe này chống phe kia, không ai cảm thông nhau hết, dẫn tới đấu tranh gian khổ không có ngày cùng. Cho nên sự sát phạt nhau về vật chất có khi còn nhẹ hơn sự sát phạt nhau về tinh thần.

Như vậy trên hai phần tinh thần và vật chất, nếu không có tâm cởi mở, thấy đúng như thật, chúng ta sẽ sống rất đau khổ. Đạo Phật dạy chúng ta thoát ra khỏi hai cái vòng đó. Đối với thân thì biết đó là tạm bợ. Thân tạm bợ nên tất cả vật chất cung cấp cho thân cũng tạm bợ, có gì quan trọng mà phải giành giựt, do đó chúng ta sẵn sàng chia sẻ với nhau. Biết tâm suy nghĩ của mình là tâm sanh diệt không thật, không phải chân lý, thì người nghĩ khác mình cũng không thật, thôi bỏ qua hết sống vui với nhau là được. Đừng giành hơn giành thua với nhau làm chi, đừng cho đúng cho sai làm gì, thì cuộc đời có gì là khổ nữa?

Chúng ta thấy cái cao siêu của đạo Phật cao vót nên người đời với không tới. Bởi với không tới nên họ gác qua một bên, cho đó là cái gì siêu hình, không thực tế. Thực tế là giành ăn, giành mặc với nhau đây. Sự thật điều Phật dạy rất đúng, rất thực tế. Ai không biết thân này tạm bợ, là giả dối. Nhưng biết mà không dám biết. Khi nào đi đám ma thấy người ta chết, biết mai một mình cũng chết. Cứ nghĩ mình còn sống dài hơn nữa kia, chứ không phải nay mai chết. Chúng ta thấy chết là sợ, vì không có cái nhìn bằng trí tuệ, mà chỉ nhìn theo tình cảm. Bám vào thân này làm chỗ tựa duy nhất nên rồi quý chuộng nó, bảo vệ nó nên việc đụng chạm với người khác không thể tránh khỏi.

Đó là hai điều mà người tu Phật phải hiểu cho thấu, cho tường tận để mai kia khi ra làm Phật sự, chúng ta mới không lâm lẩn, nếu không sẽ dễ bị kẹt lẩn.

Ví dụ như chúng ta tu thiền, Phật dạy phải định được định. Định là gì? Nếu định của Tiểu thừa thì được Diệt tận định, nếu Đại định thì không còn niệm thứ hai, đi đứng nằm ngồi đều vô niệm. Đại định thì không còn niệm sanh diệt, cho nên không còn tạo nghiệp đi trong luân hồi, gọi đó là giải thoát. Đức Phật dạy tu thiền là như vậy.

Đến tình độ thì sao? Niệm Phật là dùng câu niệm Phật để đập chết ý niệm lăng xăng. Nhớ Phật thì không nghĩ, không tưởng đến những chuyện khác. Nhờ câu niệm Phật chí quyết, cho tới nhất tâm rồi thì mọi nghĩ tưởng đều tan biến không còn. Niệm Phật cũng tới nhất tâm bất loạn. Bất loạn là hết nghĩ tưởng, hết nghĩ tưởng sẽ được vô tâm, mà vô tâm là được đại định rồi. Vô tâm thì đâu còn tạo nghiệp cho nên hết sanh tử. Như vậy tới chỗ cuối cùng cũng gặp nhau, nhưng phương tiện Phật dạy tùy theo trình độ, căn cơ. Những pháp môn khác cũng vậy, đến chỗ cuối cùng đều tụ hội nhau hết, chớ không có sai biệt. Rất tiếc người đời, cũng như một số người trong đạo không thấy đến chỗ này, cứ nắm trên phương tiện sai biệt rồi cãi nhau, đi tới chỗ bất lợi, chống đối nhau. Đó là điều sai lầm lâu nay chúng ta mắc kẹt.

Người tu thiền cũng vậy. Như chúng ta biết vọng, niệm vừa khởi biết nó là dối, không thật. Biết rồi chúng ta buông, cứ thế buông hết tất cả niệm, tới lúc nào

đó không còn vọng nữa thì cũng như niệm Phật tới nhất tâm. Vậy chỗ cứu kính không hai mới là chân thật, mới cao siêu vượt ra ngoài. Bên Tịnh độ đến chỗ nhất tâm là chỉ còn một tâm. Một tâm ấy không còn niệm nào nên cũng gọi vô tâm. Bên tu thiên được an định, an định rồi thì thể nhập Phật tánh là tánh giác. Như vậy không phải hết tất cả niệm chúng ta không còn gì, mà chúng ta còn cái chân thật. Niệm Phật tới chỗ vô niệm là nhất tâm thì thấy Phật. Như vậy trên đường tu rất rõ ràng, không có gì phải nghi ngờ nữa.

Ai tu mà nếu tu cho thật tới chỗ tốt cùng cũng đều gặp nhau hết. Lẽ thật như vậy. Như bên Công giáo người ta niệm Chúa, để làm gì? Niệm Chúa là để nhập được với thánh thể của Chúa. Khi niệm đến chỗ không còn niệm lãng xăng nữa thì nhập thánh thể Chúa, cũng như niệm Phật thấy Phật Di Đà vậy thôi. Vậy chỗ cứu kính không khác, nhưng phương tiện lại khác. Nhưng người ta thường đi trong phương tiện, chứ không tới chỗ cứu kính. Nếu đến chỗ cứu kính thì gặp nhau, cười với nhau thôi, có gì đâu. Đức Phật Di Đà hay đức Chúa gặp nhau cũng cười thôi. Cho nên trên chỗ cứu kính, không có gì chống đối nhau, nhưng trong phương tiện mà chấp phương tiện là cứu kính thì sẽ dẫn đến chống đối nhau.

Như người tu ăn chay thấy người tu ăn mặn liền sanh khó chịu. Nhưng tu đâu phải ở anê chay, ăn mặn. Chay mặn là phương tiện thôi, còn cứu kính cần phải đạt được giác ngộ giải thoát, chứ không phải ăn chay ăn mặn. Chúng ta chỉ trên chay mặn đã cãi nhau rồi, thành ra hẹp hòi quá, thấy theo chỗ cạn cợt nông nổi của mình, chứ không thấy được chỗ tốt cùng của đạo. Nhìn lại trên thế gian này, bao nhiêu đau khổ trút lên đầu con người, đều vì những cái nhìn không tốt cùng mà sát phạt nhau.

Chúng ta hiểu thấu rồi, chỉ thương con người sao hẹp hòi, nông nổi quá, chỗ tốt cùng không chịu đi, mà đi trên những đoạn đường chưa phải chân lý, mới là phương tiện ngưng lại hài lòng. Cái khổ của chúng ta là cho những suy lý của mình đúng, không can đảm vượt ra ngoài những suy lý đó, để đi đến chỗ không còn hai, không còn hai thì suy lý là cái gì?

Chúng ta thấy các Tổ nhà thiên dượng như tàn nhẫn. Như hỏi thế nào là Phật, các Ngài đập cho một cái, không biết nó gì? Vì không cho suy nghĩ, vừa suy nghĩ là mất Phật rồi. Ông vừa khởi nghĩ để hỏi thì đã mất Phật rồi, nên đánh đòn chứ không nói gì hết. Hiểu thế mới thấy các Ngài đi tắt quá. Do tắt quá nên người ta không thể hiểu được, đâm ra nghĩ mình tàn nhẫn, chứ thật ra đó là cái trực chỉ.

Sau này hệ thiên Lâm Tế, tức sau đời Tống tới đời Minh mới dùng câu thoại đầu. Câu thoại đầu cũng giống như câu niệm Phật thôi, nhưng khác nhau ở chỗ nghi và tin. Bên niệm Phật thì phải tin khẳng định, mình niệm sẽ được Phật đón. Bên thoại đầu thì khởi một câu thoại đầu rồi nhắc tới, nhắc lui hoài để khởi nghi như: "Trước khi cha mẹ chưa sanh, ta là cái gì?" Đặt cái gì hay ai đó để thành cái nghi. Hai bên khác nhau ở chỗ tin và nghi. Nghi thì đi bằng trí tuệ, tin thì đi bằng tình cảm, thâm tín, tin sâu, nếu ai tin sâu, niệm Phật sẽ được kết quả, hoặc ai nghi nhiều cũng được ngộ. Cho nên Thiên Tông nói "đa nghi, đa ngộ" là vậy. Người tu tịnh độ lấy câu niệm Phật làm phương tiện, người tu thoại đầu cũng lấy câu thoại đầu làm phương tiện.

Chúng ta tu nhiều khi không hiểu nhau. Đôi khi không hiểu nhau không phải ở lời nói hay cách dạy khác, mà tại vì cố chấp riêng. Chớ còn đi sâu, đi tới nơi chúng ta sẽ hiểu rõ, không có gì lạ, cho nên từ Tông Lâm Tế chuyển thành Tịnh Độ rất gần, thay vì nghi ngờ qua tin niệm Phật thôi. Vì vậy sau này các chùa thiền theo Tông Lâm Tế chuyển thành Tịnh Độ hết, là do như vậy. Nếu truy nguyên nắm cho tốt gốc thì chúng ta hiểu rõ ràng, chớ không có gì lạ.

Còn chúng ta tu biết vọng. Thiền biết vọng này xuất phát từ đâu? Đó là câu hỏi mà hiện nay nhiều người đang đặt nghi vấn, vì họ không thấy các Tổ nói biết vọng, tại sao chúng ta tu thiền biết vọng? Ở đây, tôi sẽ nói rõ về vấn đề này. Bởi vì chỗ y cứ của tôi trước hết là Kinh Hoa Nghiêm. Khi đọc Kinh Hoa Nghiêm, tôi thấy trong đó có một đoạn Phật nói rằng: "Tất cả chúng sanh đều đầy đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, bởi do vọng tưởng mà nó bị che phủ". Như vậy đức Phật thừa nhận tất cả chúng ta đều có đầy đủ trí tuệ đức tướng Như Lai. Trí tuệ đức tướng Như Lai đều có sẵn rồi mà tại vọng tưởng che phủ nên nó mờ đi. Bây giờ vọng tưởng dấy lên, mình thấy và bỏ thì nó hết che phủ, đúng theo lời Phật dạy trong kinh, không có gì khác.

Kể đó, chúng ta thấy Tổ Bồ Đề Đạt Ma chỉ tâm cho Tổ Huệ Khả. Ngài Huệ Khả hỏi: "Tâm con không an, nhờ Hoà thượng dạy pháp an tâm?" Tổ Đạt Ma bảo: "Đem tâm ra ta an cho". Câu nói đó có tác dụng mạnh mẽ, bắt ngày Huệ Khả phải quay lại tìm coi cái tâm không an đó ở đâu. Khi quay lại tìm đảo để không thấy, ngài Huệ Khả thật thà thưa: "Con tìm tâm không được". Tổ Đạt Ma bảo: "Ta đã an tâm cho ngươi rồi". Đó là pháp an tâm. Ngài Huệ Khả thấy được con đường vào là từ chỗ ấy. An tâm bằng cách xoay lại tìm, nó mất. Đó là an. Chúng ta bây giờ phản quan nhìn lại tâm niệm dấy khởi, nó dấy khởi mình biết là vọng tưởng liền bỏ thì được an. Đó là pháp an tâm.

Sau khi nhập thất tôi đọc cuốn "Thiền nguyên chư thuyết tập đô tự" của ngài Khuê Phong - Tông Mật. Ngài cũng nói thẳng "Biết vọng tức là tu". Còn đệ tử của Mã Tổ là Thiền sư Vô Nghiệp, ai tới hỏi gì Ngài cũng nói "chớ vọng tưởng", đây cũng là đừng theo vọng tưởng thôi. Như vậy chúng ta mới thấy pháp mình tu có chỗ y cứ đàng hoàng. Từ kinh Phật cho tới các Tổ, từ ngày Huệ Khả mãi về sau đều như vậy, chúng ta có chỗ y cứ.

Vậy chúng ta tu y cứ theo đường lối của chư Tổ là phản quan nhìn lại chính mình. Nhìn lại chính mình, tôi chia ra hai chặng. Chặng thứ nhất nhìn lại vọng tưởng của mình. Vọng tưởng là cái bị thấy, nên có cái hay thấy. Cái hay thấy, thấy được vọng tưởng. Vọng tưởng là cái bị thấy, vậy cái hay thấy là gì? Có phải vọng tưởng không? Nếu cái bị thấy là vọng thì cái hay thấy là gì? Tôi nói đó là trí tuệ Bát-nhã. Nhờ trí tuệ thấy biết đó là vọng là dối, thì cái bị thấy là con trâu, mà cái hay thấy là thừng chăn. Thừng chăn khôn hơn con trâu, cho nên thừng chăn thuộc về trí tuệ, con trâu thuộc về vọng tưởng. Trí tuệ Bát-nhã phá dẹp vọng tưởng, nên vọng tưởng dấy lên nó liền phá dẹp. Từ từ cho tới chừng nào vọng tưởng lặng, cũng như thừng chăn điều khiển con trâu tới khi thuần rồi, nó nằm yên đó. Tuy nhiên lúc này thừng chăn cũng còn đứng coi chừng. Bao giờ trâu mất thì thừng chăn cũng mất luôn. Đến chặng thứ hai: Chúng ta dùng trí tuệ Bát-nhã để phá vô

minh, phá vọng tưởng. Khi vọng tưởng, vô minh hết thì trí tuệ cũng phải buông, mới thể nhập được pháp thân. Rõ ràng như vậy, chớ không phải chúng ta tu với tính cách tưởng tượng. Có bằng cứ, người xưa đã minh họa rõ ràng hình ảnh cho mình thấy.

Người nào tu mà nói rằng, không cần biết vọng tu cũng được. Như vậy cứ để vọng hoài, thử coi chừng nào nó hết? Chúng ta biết, ruộng bỏ như vậy mà lâu lơ lâu lắt, còn chưa sạch thay, huống nữa là để mặc thì biết chừng nào hết? Chúng ta tu chỉ chuyên phản quan lại mình, phá dẹp vọng tưởng trong nội tâm. Chừng nào vọng tưởng hết thì trí tuệ dẹp phá vọng tưởng cũng lặng luôn. Vì không trâu thì chẵn cái gì? Chẵn ai? Nên tới đây thì cả hai đều lặng, Thập mục ngư đồ diễn tả như một vòng tròn rộng lặng. Nhà thiền thường dùng từ “đầu sào trăm trượng” để nói chỗ này. Khi có câu sào thì có người trèo, người trèo từ dưới lên đến điểm chót, nhảy qua được không phải dễ. Từ có trâu và thừng chẵn, lần lần trâu hết và thừng chẵn cũng mất luôn, chớ thừng chẵn còn đeo cây sào cũng không được. Thành ra phải nhảy qua khỏi đầu sào trăm trượng, nghĩa là không còn năng không còn sở. Có sở thì phải có năng. Hai cái đối đãi rõ ràng. Nhảy qua khỏi đầu sào trăm trượng mới thể nhập Pháp thân. Nên bước tranh kế tiếp, không còn chẵn giữ nhưng cái biết trùm khắp hiện tiền, đó là thể nhập Pháp thân.

Khi nhảy qua khỏi đầu sào, có người bảo tu như vậy chỉ lo cho mình thôi, không lo cho ai hết. Phật dạy tu nhập Niết bàn là vô sanh thì đâu có tái sanh lại. Như vậy thí chủ nuôi chúng ta đã đời, mình nhập Niết bàn êm ru trong đó, ở ngoài này ai khổ mặc ai, ai chết mặc ai, ai trầm luân mặc ai. Đành không? Đạo Phật không phải như thế, mà nó mang tinh thần vị tha đầy đủ, khi nhập được Pháp thân rồi, thì ứng dụng bản nguyện của mình, hiện ra Báo thân, Ứng thân. Chỗ nào cần báo thân thì báo thân như trường hợp Đức Phật Di Đà ở cõi Cực Lạc. Người có chánh báo thể nào thì y báo ứng hợp thể ấy, để độ những chúng sanh hữu duyên với mình. Chỗ nào cần hiện Ứng thân thì hiện Ứng thân. Như vùng nào, xứ nào hội trước có công có duyên với mình, thì Ứng thân hiện ra đó trong thời gian ngắn để giáo hóa họ. Cho nên nhiều vị Bồ Tát hiện ra nơi này, nơi kia giáo hóa một thời gian rồi các Ngài ẩn. Đó là dùng Ứng thân và Báo thân giáo hóa chúng sanh. Cho nên mục thứ mười là bức tranh vẽ ông già bụng phệ, quảy bầu rượu xách cá chép đi vô xóm làng. Trong Tứ Nhiếp Pháp, Phật gọi là đồng sự nhiếp để giáo hóa chúng sanh. Hiểu cho rõ đầu đuôi gốc ngọn thì chúng ta không sợ mắc kẹt gì cả.

Khi thể nhập pháp thân rồi, không còn sanh tử nữa. Nhưng người tu theo tinh thần này luôn luôn có bản nguyện cứu độ chúng sanh. Vì cứu độ chúng sanh nên tùy duyên mà hiện Ứng thân, Báo thân để độ người chớ không phải ngang đó mà hết. Vô sanh mà vẫn sanh tùy nguyện, không phải cố định không còn sanh nữa. Vì vậy Phật chê nếu người nhập Niết Bàn, không chớ lại độ sanh là tiêu cực, yếm thế. Trên tinh thần ở đây là không sợ sanh tử, cho nên các vị Thiên Sư xưa nay hay nói sanh tử như trò đùa, không có giá trị thật. Thấy như vậy mới lặn vào trong đó cứu độ chúng sanh. Còn người thấy nó thật thì không bao giờ dám vào.

Vậy chúng ta tu đường lối rất rõ ràng cụ thể. Đó là phần thứ nhất.



Đến phần thứ hai. Lâu nay tôi thắc mắc tại sao Ngũ Tổ lại đem Kinh Kim Cang dạy Lục Tổ? Bây giờ tôi mới thấy rõ ràng, con đường Thiền Tông có hai lối. Lối như trên tôi đã nói là lối phản quan tự kỷ. Lối thứ hai là dùng trí tuệ Bát Nhã quét sạch hết ngoại cảnh, thân và cảnh đều quét sạch. Thân và cảnh đều quét sạch thì còn gì nghĩ, không còn gì nghĩ, lúc đó làm sao? Đây là chỗ kỳ đặc, các vị Tổ tu theo lối này thường không chú trọng ngồi Thiền.

Lục Tổ lấy Kinh Kim Cang làm chỗ tựa. Trong Kinh Kim Cang, Phật dạy trước phải phá chấp ngã, Nhơn, chúng sanh, thọ giả tức chấp thân. Đừng thấy thân thật, đó là bước đầu để tâm an. Không thấy thân thật nên không đành giựt, không hơn thua gì về vật chất. Khi thấy thân mình không thật, người không thật, chúng sanh, thọ mạng cũng đều không thật hết, thì còn gì cố chấp. Nếu thấy thân mình và người đều không thật. Hai câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề nêu lên đầy đủ ý nghĩa đó. Ngài hỏi làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm? Phật nói đừng thấy bốn tướng ngã, Nhơn, chúng sanh, thọ giả là hàng phục tâm. Tại sao?

Tất cả mọi thứ suy nghĩ đều nghĩ hoặc cho mình, hoặc cho người, hoặc cho nhóm này, hoặc nghĩ về cuộc sống. Những suy nghĩ ấy, chúng ta đều thấy không thật thì mình còn nghĩ làm gì. Nhưng như vậy chỉ phá được cái nhân, còn pháp ở ngoài thì chưa phá, phải thấy tất cả cảnh bên ngoài không thật nữa. Cho nên Phật dạy đối với sáu trần đừng vướng mắc, đó là an trụ tâm.

Như vậy thấy thân không thật, cảnh không thật thì chúng ta còn nghĩ cái gì? Quý vị thử nghĩ cho tôi một cái xem? Không có gì để nghĩ nữa. Thấy thân không thật, cảnh không thật thì ngồi cười thôi. Tu theo tinh thần này, không có chấn tâm mà phá cái chấp thân và chấp cảnh. Phá chấp thân chấp cảnh là dùng trí tuệ Bát Nhã, cho nên nói kim cương Bát Nhã. Vì trí tuệ Bát Nhã giống như kim cương, không gì rắn chắc bằng. Người nào sử dụng cách tu này thấu đáo tột cùng thì sẽ đạt đến Niết Bàn vô sanh. Bởi vì không còn gì để nghĩ, thì chúng ta nương vào đối tượng nào để nghĩ. Khi khởi nghĩ chúng ta thường nghĩ về mình, về người, về cảnh... Bây giờ thấy tất cả đều giả dối thì có gì đâu mà nghĩ, chỉ ngồi cười chơi vậy thôi. Nên cách tu này không theo dõi ở trong, chỉ phá bên ngoài, mà các vọng tưởng bên trong cũng tự hết. Còn cách tu ở trên là đi thẳng vô trong, khi ở trong lặng thì bên ngoài cũng yên theo.

Câu chuyện của ngài Hương Nghiêm tới với ngài Trung Áp mang tinh thần tu theo cách phản quan tự kỷ. Ngài Hương Nghiêm hỏi:

- Thế nào là Phật tánh?

Ngài Trung Áp bảo:

- Ta nói cho người nghe một thí dụ. Như người nuôi một con khỉ ở trong lồng có sáu cửa, bên ngoài con khỉ khác tới kêu chéo chéo nơi cửa này, con khỉ bên trong chạy ra đáp chéo chéo trả lại. Bốn cửa kia cũng vậy.

Ngài Hương Nghiêm nói:

- Nếu con khỉ ở trong đang ngủ thì sao?

Ngài Trung Áp nói:

- Ta với người thấy nhau rồi.

Bởi vì con khỉ ngừ là cái tâm chạy theo cảnh lặng rồi, nên cảnh bên ngoài mặc nó, không cần phá. Tu theo cách phản quan không cần phá cảnh bên ngoài, mà chỉ cần phá nội tâm của mình. Bên trong đã lặng yên thì tất cả mọi thứ bên ngoài đều vô nghĩa.

Tu theo cách dùng trí tuệ Bát Nhã, thấy tất cả thân, cảnh đều hư giả, thì sẽ đạt đến chỗ vô tâm. Như thiền sư Duy Tịch đời Tống nói: “Trước ba mươi năm tôi thấy núi sông là núi sông. Sau ba mươi năm gặp thiện tri thức chỉ dạy, tôi thấy núi sông không phải là núi sông. Bây giờ tôi lại thấy núi sông là núi sông”. Nghĩa là trước ngài thấy với phàm tình sông này đẹp, núi kia dài v.v... Nên nói núi sông là núi sông có thật. Nhưng sau khi được thiện hữu tri thức chỉ dạy, biết thân không thật, cảnh không thật, mọi việc đều không thật thì núi sông không phải núi sông nữa. Phải ba mươi năm thấy nhuần nhuyễn như vậy, bây giờ tâm hết nghĩ tưởng rồi thì núi sông là núi sông. Trên cánh tu, mỗi vị đi sâu vào một con đường. Tổ Huệ Khả đi sâu vào phản quan, Tổ Duy Tịch đi sâu vào trí tuệ Bát Nhã, phá dẹp các thứ kiến chấp.

Vậy Thiền Tông của chúng ta đi hướng nào? Thiền của Sơ Tổ Trúc Lâm dạy tu đường nào? Cả hai: vừa phản quan, vừa quán các pháp như huyền. Có lúc nào Ngài nói các pháp thật đâu. Đọc hết các lời giảng dạy của Tổ, chúng ta thấy Ngài ứng dụng cả hai, vừa thấy các pháp không thật, vừa phản quan lại mình. Rảnh thì ngồi thiền để phản quan, đi ra ngoài thì thấy cảnh không thật. Người xưa đi thẳng một đường thì được, còn chúng ta bây giờ hơi yếu, nhìn vô trong thấy không thật, bước ra ngoài thấy cái gì cũng thật. Hoặc ngược lại thấy cảnh bên ngoài không thật, nhưng tâm chưa chịu dừng chạy theo vọng tưởng, cho nên phải dùng cả hai cách.

Chư Tổ hồi xưa khi thấy được lẽ thật rồi, các Ngài không cần ngồi thiền. Còn chúng ta bây giờ ngồi thiền mà đi ra ngoài cũng phải quán chiếu, cả hai hỗ tương nhau. Ngồi thiền để buông hết niệm vọng tưởng, khi ra ngoài thì phải thấy cảnh hư giả để không chạy theo nó. Ví dụ vừa thấy người liền duyên theo người, ta phải tự quán chiếu “người giả dối”; thấy cảnh duyên theo cảnh, liền tự nhắc “cảnh giả dối” thì chặn được tâm vọng động. Nếu đạo lực yếu, mà ta không quán chiếu như vậy thì sẽ dễ mắc kẹt. Cho nên phải ứng dụng cả hai.

Tóm lại đường lối tu thiền của chúng ta bây giờ là hợp tác cả hai đường lối đó. Nắm vững được điều này, chúng ta mới không nghi ngờ. Nếu người ta hỏi mình tu theo Tổ Huệ Khả hay Tổ Huệ Năng? Tổ Huệ Năng đâu có phản quan, chúng ta vẫn không mắc kẹt. Vì mình còn yếu nên cần hợp tác hướng đi này với hướng đi kia của chư Tổ, song chỗ cứu kính không khác. Hiểu như vậy chúng ta mới không lúng túng khi bị người khác chấp vấn về cách tu của mình.

Như trên tôi đã nói tìm ngọc ma ni, song quý vị thấy chúng ta có tìm chưa? Thân này là xác thịt, là tướng vô thường bại hoại mà người ta cứ chạy ngược chạy xuôi lo cho nó chu đáo, thỏa mãn, đó là tìm bạc tìm vàng. Còn ngay thân giả dối này chúng ta biết nó giả dối, tâm sanh diệt biến nó sanh diệt, để phẳng tìm ra cái chân thật bất sanh bất diệt của chính mình là tìm ngọc ma ni. Ở trong cõi vô

thường tạm bợ này, mà ngồi phăng tìm cái chân thường, chuyện đó có phải là siêu xuất thế gian không? Đó là điều mà tất cả người tu chúng ta phải thấy.

Người thế gian chỉ biết có thân tạm bợ và tâm sanh diệt thôi, bỏ đi cái chân thật. Trong ba cái chỉ biết có hai, bỏ quên một cái. Cho nên Kinh Đại thừa luôn luôn nhắc chúng ta quên mình là chỗ đó. Cái thật của mình mà lại bỏ quên, chạy theo hai thứ kia: một thứ vô thường sanh diệt, một thứ tạm bợ như bọt bóng. Họ cho hai cái đó là mình, còn cái thật bỏ quên. Chúng ta phải tìm lại cái chân thật không sanh không diệt của chính mình, không phải hòn ngọc ma ni vô giá sao! Người tìm vàng tìm bạc với người tìm ngọc, ai quý hơn ai? Ngồi thiền là tiêu cực phải không? Đó là một vấn đề, có đi sâu mới thấy giá trị thực của nó.

Tất cả những gì thế gian đuổi theo giành giật cho nhiều, đối với con mắt người tu chỉ là giả dối tạm bợ. Trong khi cái chân thật họ bỏ quên, không nhớ không biết, có đáng thương không? Đáng thương hay là đáng giận? Thường thường mấy đứa trẻ ngu ngốc làm gì sai bậy, cha mẹ giận nói đồ ngu, cốc trên đầu nó một cái. Lẽ ra cha mẹ từ bi thì phải thương, tội nghiệp nó ngu quá, thương nó không hết hơi đâu mà giận. Cũng vậy thế gian đang say mê theo cái tạm bợ giả dối, say mê theo những bóng dáng không thật. Bây giờ chúng thấy được cái thật, không nỡ bỏ họ. Đó là lòng từ bi của người tu.

Nhiều người hiểu chữ từ bi là cơm áo chút chút vậy thôi, hiểu như vậy thì hạn chế quá đi. Từ bi của đạo Phật là làm sao giúp cho người ta giác ngộ, biết được cái giả là giả, cái thật là thật, bỏ giả quay về thật. Đó mới là từ bi cứu muôn người. Đạo Phật dạy từ bi không chỉ cứu chúng sang một đời này, mà cứu vô số kiếp luân hồi. Nếu chạy theo ôm giữ cái thân giả dối, cái tâm bóng dáng thì muôn kiếp luân hồi không có ngày cùng, sanh đi tử lại, sanh đi tử lại mãi.

Người đời sanh ra hoặc giàu hoặc nghèo, hoặc khổ hoặc vui, nhưng ít chục năm rồi cũng mất. Mất rồi tiếp tục sanh trở lại, cứ như vậy lên xuống, lên xuống. Thế thì những cái được đó có gì thật đâu, được rồi mất được rồi mất. Như vậy tất cả là trò đùa, không có gì giá trị hết. Còn cái chân thật luôn luôn có bên mình nhưng họ không biết. Vì vậy đạo Phật tìm đủ mọi phương tiện để chỉ cho chúng sanh biết họ có cái chân thật. Nhưng trước khi muốn chỉ cho người biết, mình phải biết trước, phải sống được với nó thì chỉ người ta mới tin. Nếu mình không biết, không sống được, mà chỉ dạy cho người, đó là nói lý thuyết suông chơi thôi, không đi tới đâu hết.

Cho nên người học Phật là phải tu. Chúng ta phải tìm đủ cách ngăn chặn để đừng kẹt đừng dính với trần cảnh, phá hết tất cả cố chấp về thân, về tâm. Phá tan những thứ chấp đó rồi mới thoát ra được vòng sang tử luân hồi. Nếu không phá được chúng thì muôn đời đi trong sanh tử. Đời này được gặp thầy gặp bạn, đời sau trở lại chưa chắc được gặp. Thế nên được làm người, được tu hành, được gặp thầy bạn nhắc nhở là chuyện phi thường hiếm có, chớ không phải nhường.

Mấy huynh đệ vào chùa tu, mà chỉ lo đi cúng đi bái thôi, thì chừng nào biết được lẽ thật này? Không biết được lẽ thật này làm sao tìm được con đường giải thoát sanh tử. Việc giải thoát hết sức giản đơn, còn niệm còn nghĩ là còn tạo nghiệp, còn tạo nghiệp là còn luân hồi sanh tử. Lặng hết ý niệm, chỉ còn một tâm

thanh tịnh hằng giác hằng tri, không có tạo nghiệp thì không đi trong sanh tử. Tâm hằng giác hằng tri không người nào thiếu, tại sao chúng ta quên nó đi? Biết không thiếu mà không thèm nhớ. Ví dụ quý vị ngồi chơi thành thoi nhìn trăng trong gió mát mà không nghĩ gì hết, thì chúng ta đang hiện tiền, đâu đợi suy nghĩ mới biết trăng trong gió mát. Tự nó thấy, tự nó biết, tự biết là tâm đang hiện tiền. Tâm có sẵn nhưng vì bóng này, bóng kia cứ hiện ra che khuất hoài nên chúng ta không nhận ra được.

Mượn cái gương làm ví dụ sẽ thấy điều này rất rõ ràng. Chúng ta có bệnh theo bóng quên gương. Khởi nghĩ là bóng, tâm hằng tri hằng giác là gương. Gương là thể của bóng, nhưng ta chỉ nhớ bóng mà quên thể gương. Bao giờ lặn hết những niệm lăng xăng thì cái thể chân thật hiện tiền. Muốn lặn hết niệm lăng xăng thì hoặc chúng ta chuyên phản quan lại nó, hoặc phá hết các thứ chấp bên ngoài, hoặc bao gồm cả hai cách: nhìn vào trong để buông, nhìn ra ngoài để thấy taut cả hư giả, thì chúng ta sẽ dẹp được nó không nghi ngờ gì hết. Con đường tu của đạo Phật là con đường siêu thoát phi thường, phi thường nhưng rất bình thường. Kinh nói bình thường tâm thị đạo. Vì rất bình thường nên nói người ta không tin.

Chỗ thâm yếu này hiểu rồi, chúng ta mới thấy cái kỳ đặc của đạo Phật. Ngài ngộ đạo nên thấu suốt rõ bản tánh muôn pháp nhưng không muốn nói, vì nói thẳng chỗ mình biết người ta không hiểu. Đợi tới khi chư thiên năn nỉ dùng phương tiện, chừng đó Ngài mới lập bày phương tiện giáo hoá chúng sanh. Cho nên pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên v.v... Đức Phật giảng trong mấy chục năm đều là phương tiện. Sau trong hội Linh Sơn, Ngài chỉ đưa cành hoa sen lên rồi nhìn xem ai hiểu được mình. Khi nhìn tới ngài Ca Diếp thấy Tôn giả mỉm cười, Đức Phật thọ ký cho Ngài Ca Diếp ngay.

Thật ra sự việc đưa cành hoa lên, không có giá trị bằng con mắt nhìn. Ngài nhìn từng người, nhìn tới Ca Diếp thấy Tôn giả cười thì thông cảm liền. Như vậy Ca Diếp cười thấy hoa sen hay cười cái gì? Nhà thiền gọi là “Tứ mục tương cố”, tức bốn mắt nhìn nhau. Mắt Phật và mắt đệ tử nhìn nhau, biết người đó hiểu được mình nên Phật cười vui nói: Ta truyền Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm cho Ma-ha Ca Diếp. Cái ấy sẵn đó mà không nói được. Tới khi Phật thấy có người lãnh hội được điều Ngài muốn nói, nên chẳng ngần ngại tuyên bố truyền trao chánh pháp cho.

Đó là tôi nói về đường lối căn bản tu của mình. Bây giờ bước qua chặng thứ hai là Lý vô sanh.

Chúng ta tu mà nghĩ nhập Niết-bàn êm ru, không còn gì hết thì buồn chết. Vô sanh là không sanh, không sanh thì không tử, không sanh không tử thì không biết nó ra làm sao, đâm ra buồn. Sự thật chữ “không” của đạo Phật là chỉ lẽ thật của muôn pháp. Thường thường nói muôn pháp giai không hay các pháp tánh không. Nói như vậy người ta nghe bi quan quá. Tại sao tánh không? Chữ “tánh” nghĩa chính của nó là từ thuở ban sơ sẵn như vậy. Cho nên tánh không là cái sẵn không của muôn pháp, nó như vậy. Chúng ta thử kiểm tra xem có pháp nào buổi ban sơ cũng không sẵn có, mà phải đợi duyên hợp. Duyên hợp từ chỗ nào? Từ chỗ

không. Từ chỗ không duyên hợp mới được. Duyên hợp thành có, đã có hợp thì phải tan, mà tan lại thành không. Cái sẵn không đó trước sau không thêm không bớt, không sanh không diệt. Các pháp duyên hợp thì có sanh có diệt, có thành có hoại. Còn cái không sẵn đó làm gì có sanh diệt. Hiểu như vậy mới là hiểu lý Bát-nhã.

Chúng ta biết các pháp hay tất cả muôn vật ban sơ là không, đợi duyên hợp mới có, nên tất cả cái có đó đều hư dối. Duyên hợp hư dối, không có gì thật hết và có hợp thì phải có tan. Cho nên từ thấy được tánh không, chúng ta mới thấy các pháp hư dối, thấy các pháp hư dối thì tâm hết vướng mắc. Nếu ai nghe nói thân giả dối không chịu, như vậy gọi là gì? Là mê, mê tỏ chứ không phải mê con cháu, quá u là mê! Con người duyên theo cái tạm bợ mà sống, quây quần giành giựt, đủ thứ chuyện trong cái giả dối đó, như vậy có phải mê lầm lớn lao không?

Từ tánh không, chúng ta biết muôn pháp như huyễn. Bởi tánh không nên trước nó không, sau hoại cũng thành không, còn một chặng có thì như huyễn như hoá, có gì thật đâu. Như vậy từ lý tánh không, chúng ta thấy tốt được các pháp không thật, đó là trí tuệ Bát-nhã. Nhiều người đọc Bát-nhã thấy khó hiểu, vì Phật nói cái không đó, không sanh, không diệt, không thêm, không bớt, không gì hết. Vì trong tánh không, có cái gì để thêm đâu, còn tất cả cái có trong tánh không ấy đều tạm bợ giả dối, không thật tí nào hết.

Nếu nhìn sự vật theo trí tuệ Bát-nhã, chúng ta có phê phán đẹp xấu, hay dở, hơn kém không? Ai nói đẹp xấu hay dở, hơn kém ta chỉ cười thôi, không chen vô đó để bàn cãi. Ngược lại, nếu người ta nói cái đó đẹp, mình nói xấu thì sẽ cãi nhau. Rõ ràng con người cãi nhau trong cái điên đảo, chứ không có lẽ thật. Nhờ thấy được các pháp tánh không, chúng ta dẹp hết những vướng mắc, kết thúc đi đến chỗ đối cảnh vô tâm. Cho nên ý nghĩa đối cảnh vô tâm ở đây rất rõ ràng.

Nhiều người thắc mắc tới chỗ vô tâm, không còn gì nữa hết? Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói chuyện Bát thức thành Tứ trí, chỗ khác nói Chân không mà Diệu hữu, chứ đâu phải là hết. Nếu hết tu làm gì? Cho nên chân không nghĩa là không có tất cả những cái giả dối sanh diệt, chứ không phải không ngơ. Không có tất cả giả dối sanh diệt, nhưng có diệu dụng phi thường, nên nói Chân không mà Diệu hữu. Vì vậy đức Phật sau khi đạt đạo rồi, Ngài có Tam minh, Lục thông, đủ thứ hết. Như vậy đức Phật mới biết dạy chúng ta, chứ mất hết thì ngày nay đâu có giáo pháp để chúng ta nương theo tu hành. Đến chỗ chân thật cứu kính ấy rồi, chúng ta không cầu cũng vẫn có đủ các thứ thần thông diệu dụng. Điều này trong kinh Phật diễn đạt qua ba thân là: Pháp thân, Báo thân và Hoá thân hay Ứng thân. Tùy theo các chúng sanh mà ứng dụng để giáo hoá họ. Tu mà sợ tới đó không còn gì là làm lẫn lộn. Chỉ sợ mình không được tới đó thôi.

Với tinh thần người tu thiền, thể hiện lòng từ bi là cứu độ tất cả chúng sanh ra khỏi trầm luân sanh tử, chứ không phải hết nghèo hết khổ. Giúp cho dân chúng bớt nghèo, bớt khổ là bổn phận của người cư sĩ, những vị giàu có ở thế gian. Còn Tăng Ni chúng ta phải đi sâu, phải là cho được bổn phận của mình là giải thoát trầm luân sanh tử. Muốn giải thoát trầm luân sanh tử thì chúng ta phải dạy, phải hướng dẫn Phật tử thấu suốt được trí tuệ Bát-nhã, thấy biết rõ ràng. Đây gọi là

dùng kiếm trí tuệ để ruồng phá tất cả những dây đang ràng rịt thế gian, chặt cho đứt hết, đưa mọi người tới chỗ tự tại, an vui. Đó là trách nhiệm chính yếu của người tu. Nhiều người lầm lẫn, thấy việc ngồi chuyên tu là tiêu cực, phải đi làm việc này việc nọ mới được. Làm việc thiện thì tốt, nhưng trọng tâm của người xuất gia là phải nhớ đến sự giác ngộ giải thoát, đừng đem cái cứu kính biến thành phương tiện.

Người xuất gia không có mục đích gì khác hơn là cầu giác ngộ, giải thoát sanh tử. Đó là trọng tâm, là mục đích. Cho nên chúng ta phải chỉ dạy thế nào cho những người đi sau cũng được giác ngộ, giải thoát sanh tử, đó mới đúng là mục đích của người tu. Giúp người bớt khổ tạm thời chỉ là phương tiện thôi, không phải mục đích. Cho nên tất cả các Tăng Ni ai cũng phải thấy bôn phận của mình, thấy hướng đi của mình, đừng lầm lẫn, lệch lạc. Nếu không như thế thì uổng đi một đời tu, không đạt đến mục đích mình mong muốn ban đầu. Thấy biết rõ được đường lối như vậy thì trên đường tu sẽ vững, không có thói chuyễn. Ai đó công kích, chê bai, biếm nhẽ mình cũng không lay động. Nếu không như thế, chúng ta dễ bị ngôn ngữ thế gian làm lay chuyễn. Được khen thì vui, bị chê thì buồn, rồi cũng chạy theo dư luận bên ngoài, không vượt khỏi những trần tục của người đời.

Người tu là người thoát tục. Thoát tục là thoát ngoài vòng thế tục, không bị chê khen, phải quấy, hơn thua của đời đời cuốn. Chúng ta phải đứng ngoài tất cả dư luận mới thoát tục được. Tôi từ thủy chí chung mục tiêu không đổi khác. Những năm về trước dạy Tăng Ni, Phật tử cũng dạy tu, tạo thiền viện cũng để Tăng Ni tu. Mục đích đã nhắm, tôi cứ thế mà tiến. Tiến tu thì Tam bảo gia hộ chúng ta nhất định thành công, còn chạy theo dòng đời sẽ bị nó cuốn luôn hồi nào không hay, tới chừng hồi hận thì đã muộn rồi.

Tôi nghĩ rằng nhớ được những điều này thì trên đường tu quý vị không còn lầm lẫn nữa, có thể đi được tới chỗ mà xưa kia quý vị không dám nghĩ mình có thể tới được. Đó là điều tha thiết, là những lời chí thiết nhắc nhở của tôi trong buổi giảng chót hôm nay. Mong tất cả quý vị nghe hiểu rồi ứng dụng tu cho được, để xứng đáng là người xuất gia, xứng đáng với bản nguyện của mình, xứng đáng với lòng trong đợi của Thầy Tổ, cha mẹ, anh em. Người đi tu không nên cô phụ hết công ơn của cha mẹ, Thầy Tổ, cuối cùng trở thành người vô dụng, không xứng đáng với phẩm chất của một người tu Phật.

